

VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

# Hoạt động ngân hàng Việt Nam - bức tranh toàn cảnh 2012 và khuyến nghị chính sách 2013

NGND. PGS. TS. TÔ NGỌC HÙNG - TS. NGUYỄN ĐỨC TRUNG

*Học viện Ngân hàng*

*(Tiếp theo kỳ trước)*

## 1. Dự báo và một số khuyến nghị chính sách

### 3.1. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2013

Từ các số liệu thu thập được từ NHNN Việt Nam, Tổng cục Thống kê và IMF, chúng tôi xây dựng mô hình dự báo về các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong đó bao gồm tỷ lệ lạm phát,

trong ngắn hạn bao gồm: Mô hình tỷ giá cân bằng CHEERS (Capital enhanced equilibrium exchange rates), mô hình tiền tệ, mô hình PPP (ngang giá sức mua), và mô hình CIP (ngang giá lãi suất) để xác định tỷ giá hối đoái VND/USD.

Kết quả, kinh tế vĩ mô Việt Nam có thể rơi vào một trong 3 kịch bản sau:

của nhóm nghiên cứu.

**Kịch bản 3:** Nền kinh tế phục hồi nhanh với hiệu suất đầu tư được cải thiện, vốn đầu tư toàn xã hội phục hồi với mức tăng trưởng giai đoạn trước đây, hàng tồn kho được xử lý đáng kể, thì tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2013 sẽ ở mức 6,01%; lạm phát tăng lên 9,29%, tỷ giá được điều chỉnh tăng lên mức

**Bảng 2. Các kịch bản kinh tế vĩ mô giai đoạn 2013- 2015**

Kịch bản	Kịch bản 1			Kịch bản 2			Kịch bản 3		
	2013	2014	2015	2013	2014	2015	2013	2014	2015
<b>RGDP</b>	4.96%	5.43%	6.00%	5.44%	5.69%	6.20%	6.01%	6.20%	7.00%
<b>Lạm phát</b>	7.24%	8.00%	9.00%	9.29%	9.67%	10.06%	9.29%	11.00%	12.00%
<b>Tỷ giá</b>	21,000	21,252	21,890	21,140	21,669	22,427	21,270	22,227	23,339
<b>Cung tiền</b>	13.49%	15.29%	16.51%	16.10%	16.43%	17.16%	16.70%	18.15%	19.39%
<b>Tín dụng</b>	9.73%	13.00%	15.46%	11.68%	13.67%	15.76%	12.94%	15.31%	18.01%

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

GDP và tỷ giá hối đoái cho năm 2013.

*Thứ nhất*, để dự báo lạm phát chúng tôi sử dụng mô hình VAR do dữ liệu theo tháng và là chuỗi dừng.

*Thứ hai*, đối với GDP, sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas để ước lượng sản lượng của nền kinh tế dưới dạng:  $\ln Y = \ln A + \alpha \times \ln L + \beta \times \ln K + \varepsilon$

Trong đó: Y là sản lượng, L là lao động, K là vốn. Hồi quy phương trình bằng phương pháp OLS thu được kết quả:

$$\begin{aligned} \ln rGDP = & 3,765 + \\ & 1,592 \times \ln labor + 0,264 \times \ln rinv \\ & + 1,573 - 0,127 \times Dum \times \ln rinv \\ & 0,250^{***} 0,153^{***} \\ & 0,030^{***} 0,859^* 0,070^* \end{aligned}$$

\*\*\*, \*\*, \*: ý nghĩa thống kê ở mức 1%, 5%, 10%

*Thứ ba*, chúng tôi dựa trên một số mô hình xác định tỷ giá

**Kịch bản 1:** Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2013 thấp ở mức 4,96% do nền kinh tế vẫn chưa bước ra khỏi tình trạng suy thoái, vốn đầu tư tiếp tục khó khăn, hàng tồn kho vẫn tiếp tục ở mức cao. Lạm phát năm 2013 chỉ tương đương mức lạm phát năm 2012 là 7,24%. NHNN tiếp tục neo tỷ giá cố định vào khoảng 21.000 trong năm 2013.

**Kịch bản 2:** Nền kinh tế Việt Nam dần bước vào giai đoạn phục hồi trong năm 2013 với tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhẹ so với năm 2012, đạt mức 5,44%; lạm phát cao hơn mức lạm phát năm 2012 là 9,29%; tỷ giá được duy trì ổn định quanh mức 21.140 trong năm 2013. Đây là kịch bản có tính khả thi nhất so với thực trạng kinh tế hiện nay của Việt Nam và cũng là quan điểm dự báo

21.270 trong năm 2013.

Dựa trên ba kịch bản với các chỉ tiêu kinh tế gồm: Tăng trưởng GDP, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, thay đổi tài sản nước ngoài ròng cho giai đoạn từ năm 2013 đến 2015, đồng thời sử dụng lập trình tài chính do nhóm nghiên cứu của Học viện Ngân hàng xây dựng, chúng tôi xác định được các chỉ tiêu tiền tệ như tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tốc độ tăng trưởng tín dụng cụ thể như sau<sup>1</sup>.

### 3.2. Một số khuyến nghị chính sách

Căn cứ vào những đánh giá hoạt động của ngành Ngân hàng năm 2012 và các dự báo năm 2013, chúng tôi khuyến nghị một số chính sách sau đây

<sup>1</sup> Mô hình kinh tế lượng về mối quan hệ giữa tổng sản phẩm quốc nội và cung tiền, xem phụ lục

nhằm hướng tới một năm 2013 phát triển ổn định hơn.

*3.2.1. NHNN cần tiếp tục thực hiện CSTT chặt chẽ, có linh hoạt nhằm kiên định mục tiêu bình ổn lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô*

Trước tình hình các bất ổn kinh tế vĩ mô, khó khăn kinh tế vẫn có thể tiếp tục diễn ra trong năm 2013 thì NHNN cần tiếp tục nhất quán mục tiêu của CSTT là *kiên định với mục tiêu ổn định vĩ mô* nhằm đạt mức lạm phát mục tiêu hơn là mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Theo đó, NHNN cần đảm bảo sự nhất quán xuyên suốt các mục tiêu của CSTT như lãi suất, tín dụng, tổng phương tiện thanh toán, tỷ giá. Bởi vì chỉ có vậy mới có thể làm gia tăng niềm tin của người dân vào giá trị VND, giúp nền kinh tế dần hồi phục và khởi sắc trở lại.

Thêm vào đó, NHNN cần tiếp tục phát đi thông điệp ổn định tỷ giá, sử dụng linh hoạt nguồn dự trữ ngoại tệ. Trong bối cảnh kinh tế trong nước sẽ tiếp tục gặp phải nhiều khó khăn, thậm chí là suy thoái trong năm 2013, chính sách neo tỷ giá ổn định được coi là giải pháp khá hữu hiệu. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, giải pháp neo tỷ giá được rất nhiều các quốc gia sử dụng trong giai đoạn kinh tế suy thoái như Trung Quốc, Venezuela...

Tuy nhiên, nếu kinh tế dần phục hồi và khởi sắc thì NHNN cần cân nhắc chuyển từ chế độ neo tỷ giá sang chế độ tỷ giá linh hoạt hơn, theo đó tỷ giá bình quân liên ngân hàng

sẽ biến động tăng, giảm theo cung cầu trên thị trường. Tỷ giá USD/VND cần được xác định theo một rổ tiền tệ chủ chốt, không nên chỉ neo VND theo USD. Đồng thời, trong trường hợp cần phải phá giá thì NHNN cũng cần phải điều chỉnh tỷ giá đủ mạnh để tránh “tâm lý trông chờ phá giá tiếp” và “tâm lý đầu cơ” của doanh nghiệp, của người dân cũng như các nhà đầu tư.

*3.2.2. Về điều hành chính sách lãi suất*

Căn cứ vào tình hình lạm phát được dự báo tại các kịch bản năm 2013, NHNN hoàn toàn có cơ sở khoa học cho việc áp dụng trần lãi suất cho vay đối với các khoản vay của NHTM trong năm 2013. Trong khoảng đầu năm 2013, với ước tính lạm phát ở mức dưới 8%, trần lãi suất huy động VND có thể đặt ở mức 9% và trần lãi suất cho vay ở mức 12,5%<sup>2</sup>. Việc tiếp tục quy định trần lãi suất huy động VND là tín hiệu khẳng định NHNN kiên định mục tiêu tái cơ cấu hệ thống ngân hàng với định hướng cụ thể là làm giảm một cách tự nguyện số lượng NHTM. Việc áp dụng trần lãi suất cho vay VND chỉ nên áp dụng với khối NHTM thành thị. Điều này sẽ giúp giảm hiệu ứng tiêu cực của trần lãi suất cho vay đối với các khoản vay quy mô nhỏ dành cho người nghèo và cho khu vực nông thôn (khi

<sup>2</sup> Mức trần lãi suất huy động 9% cao hơn tỷ lệ lạm phát 8% đảm bảo lợi ích người gửi tiền; lãi suất tiền vay VND cao hơn lãi suất huy động 3,5% đảm bảo NHTM có lãi

áp dụng trần lãi suất cho vay sẽ khiến các TCTD không muốn cho vay những khoản vay quy mô nhỏ tại khu vực nông thôn). Do đó, song song với việc áp dụng trần lãi suất cho vay, NHNN nên có đề án cụ thể trong phát triển trở lại hệ thống NHTMCP nông thôn. Bên cạnh đó, việc áp dụng trần lãi suất cho vay nên được thông báo theo hướng điều chỉnh trên cơ sở từng quý, phù hợp với tính mùa vụ của lạm phát.

Đối với việc huy động và cho vay bằng ngoại tệ, NHNN cần tiếp tục giảm trần lãi suất huy động và thu hẹp phạm vi đối tượng được vay vốn bằng ngoại tệ. Điều này sẽ là cơ sở để hướng tới việc xóa bỏ việc huy động và cho vay bằng ngoại tệ tại Việt Nam, tương tự như định hướng đối với việc giảm thiểu tác động vàng hóa trong nền kinh tế.

*3.2.3. Về tăng cường công tác thanh tra giám sát*

Với mục đích làm an toàn, lành mạnh, hiệu quả hệ thống ngân hàng, NHNN cần tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, giám sát. Trong năm 2013, bên cạnh việc tăng cường hiệu lực của hệ thống giám sát đối với giám sát tuân thủ, NHNN cần đẩy mạnh triển khai định hướng giám sát rủi ro đối với hệ thống NHTM.

***Thứ nhất, đối với giám sát tuân thủ***

NHNN cần xây dựng các biện pháp phù hợp để đảm bảo không xảy ra hiện tượng sub-lending khi NHNN triển

khai quy định trần lãi suất cho vay. Theo đó, một số tổ chức, cá nhân sử dụng các dự án ảo để vay trong khung trần lãi suất và cho vay lại theo mức lãi suất cao hơn đối với các tổ chức khác. Như vậy, để đảm bảo đồng vốn với chi phí hợp lý đến với doanh nghiệp, cần có sự hỗ trợ của nhiều cơ quan quản lý Nhà nước chứ không chỉ có sự nỗ lực của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng. Do đó, việc ban hành một *Thông tư quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa các bên trong việc giám sát và xử phạt các đối tượng trong nền kinh tế vi phạm các quy định trong lĩnh vực tài chính- tiền tệ- ngân hàng* là rất cần thiết. Chỉ có thực hiện như vậy, hoạt động của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng mới phát huy đầy đủ hiệu lực của mình.

### **Thứ hai, đối với giám sát rủi ro**

Để đảm bảo hệ thống NHTM hoạt động an toàn trước các biến động kinh tế, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường cũng như rủi ro tác nghiệp, cần hội đủ điều kiện cần và đủ. Theo đó, điều kiện cần là tự các NHTM cần chủ động việc gia tăng vốn tự có và đảm bảo quản lý hiệu quả tốc độ tăng trưởng tổng tài sản (đặc biệt là gia tăng tín dụng). Điều kiện đủ là NHNN cần điều chỉnh các văn bản pháp quy cũng như có các chế tài phù hợp để đảm bảo việc thực thi an toàn vốn tối thiểu chính xác và toàn diện trên toàn hệ thống ngân hàng. Cụ thể như sau:

### **a. Đối với hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến đảm bảo an toàn vốn**

Để đảm bảo quản lý mức độ đủ vốn thực sự hiệu quả xét trên toàn bộ hệ thống ngân hàng thông qua hệ số CAR (hệ số an toàn vốn), NHNN cần có các giải pháp toàn diện đối với vấn đề này. Cụ thể, các giải pháp có thể thực hiện trong thời gian tới gồm:

Trong năm 2013, NHNN cần hoàn thiện Thông tư 13/2010/TT-NHNN với mục tiêu hướng các NHTM tiếp cận việc quản lý rủi ro theo Basel II và từng bước định hướng theo Basel III. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất* là thay đổi cách tính CAR. Theo đó, Thông tư 13/2010/TT-NHNN nên quy định lại phần tính mẫu số của công thức tính CAR với việc cộng cả rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp.

*Thứ hai*, Basel II đã đưa ra các cách tiếp cận khác nhau cho các ngân hàng có quy mô, đặc điểm khác nhau và các ngân hàng có thể tự lựa chọn cách tiếp cận riêng cho mình; Thông tư 13/2010/TT-NHNN cũng cần xây dựng việc tính mức độ đủ vốn căn cứ theo quy mô và phạm vi hoạt động của các NHTM.

*Thứ ba*, Thông tư 13/2010/TT-NHNN nên khắc phục những bất cập trong quy định về hệ số rủi ro của các tài sản có trong công thức tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại Điều 5. Cụ thể, Thông tư 13/2010/TT-NHNN cần phân loại tài sản chi tiết và tính đến sự khác biệt

giữa các mức độ rủi ro riêng biệt. Đối với các khoản phải đòi, hệ số rủi ro được xác định dựa trên loại hình TSBĐ (giấy tờ có giá, bất động sản,...) và đối tượng (Chính quyền Trung ương, chính quyền địa phương, công ty trực thuộc, các TCTD khác...), nhưng đồng thời phải chi tiết cho rủi ro theo mức độ tín nhiệm của đối tác hoặc theo đặc điểm của khoản tín dụng.

*Thứ tư*, cần bổ sung quy định về giới hạn liên quan đến đòn bẩy tài chính (VTC/Tổng Tài sản) của các NHTM. Hệ số này sẽ tồn tại song song với hệ số an toàn vốn tối thiểu (VTC/TTSRR) khi đánh giá về mức độ an toàn vốn của NHTM trong Thông tư 13/2010/TT-NHNN. Theo đó, NHNN cần khảo sát và xây dựng mô hình đo lường để xác định chính xác giới hạn tối thiểu của hệ số Vốn tự có so với Tổng tài sản có của NHTM. Điều này đúng với khuyến nghị của Ủy ban Basel (cụ thể trong Basel III) về việc sử dụng hệ số đòn bẩy tài chính để đánh giá mức độ an toàn của các NHTM đang phải kinh doanh trong điều kiện môi trường kinh tế vĩ mô bất ổn hoặc suy giảm.

*Thứ năm*, bên cạnh việc sửa đổi Thông tư 13, NHNN cần có lộ trình cụ thể trong việc áp dụng Basel II và Basel III trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm của các nước đã triển khai.

*Thứ sáu*, tăng cường yêu cầu an toàn vốn với mô hình tập đoàn tài chính- ngân hàng. Đối với việc quản lý mô hình tập đoàn tài chính- ngân hàng,

**Bảng 3. Basel trong Basel III về tăng cường quy định an toàn với các tập đoàn tài chính**

	Yêu cầu vốn							Tầm đệm đảm bảo an toàn vĩ mô	
	Vốn chủ sở hữu chung			Vốn cấp 1		Tổng vốn		Tầm đệm chống rủi ro chu kỳ	Khả năng xử lý rủi ro của tập đoàn tài chính
	Thấp nhất	Tầm đệm dự trữ	Yêu cầu	Thấp nhất	Yêu cầu	Thấp nhất	Yêu cầu	Khoảng	
<b>Basel II</b>	2%			4%		8%			
<b>Basel III</b>	4,5%	2,5%	7%	6%	8,5%	8%	10,5%	0%-2,5%	Vốn tăng thêm cho tập đoàn tài chính

để tránh tối đa rủi ro chéo, NHNN nên dựa theo khuyến nghị của Ủy ban Basel.

Điều này có nghĩa là đối với các tập đoàn tài chính, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cần được xác định ở mức cao hơn so với mô hình tổ chức tài chính chỉ hoạt động lĩnh vực ngân hàng. Trong điều kiện cụ thể, các tập đoàn tài chính cần duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lớn hơn mức 9% hiện nay được quy định trong Thông tư 13/2010/NHNN. Mức chênh lệch phải đủ đảm bảo tránh tối đa rủi ro chéo phù hợp với giới hạn đầu tư vào các công ty con trực thuộc ngân hàng mẹ.

*b. Đối với tăng cường an toàn vốn cho riêng lẻ từng NHTM*

Như khuyến nghị của Ủy ban Basel, bản thân các NHTM cần chủ động thực hiện các giải pháp liên quan đến mức độ đủ vốn và tiếp theo là tăng trưởng vốn bền vững. Theo đó, các NHTM Việt Nam không chỉ cần đảm bảo an toàn vốn theo Basel II mà còn nên hướng tới đáp ứng đầy đủ các quy định của Basel III trong năm 2013. Tuy nhiên, trên thực tế, nếu để tự thân, các NHTM Việt Nam thường không chủ động thực hiện những vấn đề có

tính chiến lược trên. Do đó, cần có công cụ thúc đẩy việc thực hiện mà các quy định và việc triển khai kiểm tra thực hiện các quy định của cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng sẽ là động lực tốt nhất buộc các NHTM phải thực hiện. Cụ thể như sau:

- Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng nên chú ý vấn đề quản lý đơn bất tài chính trong điều kiện kinh tế vĩ mô bất ổn như khuyến nghị của Basel III. Theo đó, các NHTM không chỉ xây dựng việc đủ vốn dựa trên hệ số an toàn vốn tối thiểu mà còn tính đến việc tăng vốn phù hợp tốc độ gia tăng tài sản của ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn kinh tế suy giảm.

- Thanh tra, giám sát việc chuẩn bị tiềm lực tài chính để sẵn sàng áp dụng các quy định về an toàn vốn mới theo quy chuẩn Basel II và Basel III. Cụ thể, NHTM cần có chiến lược thực hiện các nội dung: (i) đo lường chính xác rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro tác nghiệp, từ đó xác định chính xác mức vốn tự có cần thiết theo quy chuẩn của Basel II; (ii) từng bước hình thành tầm đệm vốn chống rủi ro chu kỳ kinh tế và tầm đệm vốn chống rủi ro hệ thống từ sự liên thông

của các thị trường.

- Thanh tra, giám sát việc chọn lựa cổ đông chiến lược trong và ngoài nước để bán cổ phiếu do phát hành trên cơ sở hợp tác đôi bên cùng có lợi, góp phần tận dụng, học hỏi kinh nghiệm quản lý công nghệ... để nâng cao uy tín và thương hiệu ngân hàng. Đặc biệt, giám sát các NHTM lớn thuộc nhóm phải áp dụng Basel II và III, cần lựa chọn các cổ đông chiến lược là các NHTM đã áp dụng các kỹ thuật của Basel II.

- Thanh tra, giám sát vấn đề phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu theo từng lộ trình, vừa tạo cho ngân hàng có nguồn vốn ổn định lâu dài để mở rộng quy mô kinh doanh, vừa làm giảm áp lực chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Giám sát việc cân đối quyền lợi giữa cổ đông lớn thường là Hội đồng Quản trị và cổ đông nhỏ để tạo uy tín và lòng tin của nhà đầu tư.

- Phối hợp hiệu quả với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong việc sáp nhập, mua lại ngân hàng của các NHTM.

*3.2.4. Về xử lý nợ xấu của hệ thống các NHTM Việt Nam*

Với những đặc điểm và những nguyên nhân đã phân tích về nợ xấu, chắc chắn rằng

việc xử lý nợ xấu không thể diễn ra trong ngắn hạn. Tuy nhiên, xét về trung hạn, vấn đề này không phải là không xử lý được. Khả năng xử lý toàn bộ nợ xấu của nền kinh tế là tương đối khả quan mà không cần nhiều tới nguồn từ ngân sách cũng như sự hỗ trợ của nước ngoài. Thậm chí với tỷ lệ nợ xấu do NHNN công bố (8,82% vào tháng 9/2012) thì chính bản thân các ngân hàng có thể tự giải quyết phần lớn khối nợ xấu này với những nguồn lực sẵn có của ngân hàng như dự phòng rủi ro (DPRR) và TSBĐ. Tất nhiên trong trường hợp tỷ lệ nợ xấu như Fitch Ratings đánh giá (15% vào 9/2012, nợ được phân loại theo tiêu chuẩn IFRS) thì vấn đề trở nên khó khăn hơn. Điều này được minh chứng bằng việc phân tích các kịch bản của nền kinh tế như sau:

Theo nguyên tắc thị trường thì trước tiên trách nhiệm xử lý nợ xấu thuộc về bản thân các ngân hàng. *Đối với ngân hàng, nguồn để xử lý nợ xấu chỉ có thể là khoản trích lập DPRR, TSBĐ và cuối cùng là vốn tự có.*

*Giả định xét hai trường hợp tỷ lệ nợ xấu là 8,82% (theo công bố của NHNN tính đến 30/9/2012) và 15% (theo*

*đánh giá của Fitch Ratings tháng 9/2012).*

Để n 9 / 2 0 1 2 , theo số liệu chính thức của NHNN, các ngân hàng tự trích lập DPRR để xử lý nợ xấu là 75.000 tỷ đồng; trong đó có 12.000 tỷ đồng nợ xấu đã được xử lý từ số dự phòng đã trích lập này. Cho rằng chỉ 50% số dự phòng rủi ro này được dùng để xử lý nợ xấu, đồng thời nếu như số nợ đọng xây dựng cơ bản của các địa phương là 90.000 tỷ đồng sẽ thuộc trách nhiệm giải quyết của ngân sách địa phương và Trung ương, thì số nợ xấu thực sự cần tìm giải pháp xử lý là 129.664 tỷ đồng hoặc 309.854 tỷ đồng trong trường hợp tỷ lệ nợ xấu tương ứng là 8,82% và 15%. Khoản nợ xấu này có thể được xử lý từ các nguồn như sau:

*Nguồn đầu tiên là thu hồi TSBĐ. Theo báo cáo của các TCTD, khoảng 80% tổng số nợ xấu có TSBĐ, trong đó 57% được đảm bảo bằng bất động sản. Giả định ngân hàng cho vay tối đa theo quy định là 70% giá trị TSBĐ. Như vậy,*

**Bảng 4. Giá trị nợ xấu sau khi trừ nợ đọng xây dựng cơ bản và dự phòng rủi ro**

Đơn vị: 1.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu	8,82%	15%
Giá trị nợ xấu	257,164 <sup>1</sup>	437,354 <sup>2</sup>
NSNN (Nợ xây dựng cơ bản)	90	90
Sử dụng dự phòng rủi ro	37,5	37,5
<b>Giá trị nợ xấu còn lại</b>	<b>129.664</b>	<b>309.854</b>

1 8,82%\*2.915,695 (sbv.gov.vn)

2 15%\*2.915,695

tổng giá trị TSBĐ ít nhất vào khoảng 191.045 tỷ đồng đối với tỷ lệ nợ xấu là 8,82% và 396.976 tỷ đồng đối với tỷ lệ nợ xấu là 15%. Từ đó giá trị TSBĐ bằng bất động sản tương ứng là 108.896 và 226.276 tỷ đồng. Phần còn lại là giá trị TSBĐ khác. TSBĐ khác này bao gồm các hàng tồn kho, khoản phải thu, quyền đòi nợ, quyền tài sản... Khi các ngân hàng đẩy mạnh việc giải chấp thì mặt bằng giá cả TSBĐ sẽ giảm mạnh. Theo ước tính, mặt bằng nhà phố Hà Nội năm nay giảm ít nhất 30% so với thời điểm định giá tài sản cho vay (thời kỳ thị trường bất động sản còn đang “nóng”). Giả định rằng giá trị thực tế (giá trị thị trường) của TSBĐ bằng bất động sản giảm 30%, còn giá trị TSBĐ khác giảm 10% thì giá trị thực tế của TSBĐ bằng bất động sản và TSBĐ khác lần lượt được thể hiện như trong Bảng 5. Nếu như các con số này được xem là tương đối

**Bảng 5. Giá trị tài sản bảo đảm**

Đơn vị: 1.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu	Giá trị nợ xấu trừ nợ XDCB	Giá trị 80% nợ xấu có TSBĐ	Tổng giá trị TSBĐ tối thiểu	Giá trị TSBĐ bằng BĐS (57%)	Giá trị TSBĐ khác	Giá trị thực tế TSBĐ bằng BĐS	Giá trị thực tế TSBĐ khác	Tổng giá trị thực tế TSBĐ
8,82%	176.164	133,731	191,045	108,896	82,149	76,227	73,934	<b>150,161</b>
15%	347.354	277,883	396,976	226,276	170,7	158,394	153,63	<b>312,023</b>

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

sát thực tế, dựa trên các khả năng bối cảnh kinh tế vĩ mô trong

**Bảng 6. Các kịch bản thu hồi tài sản bảo đảm**

Đơn vị: 1.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu	8,82%			15%		
	Tốt	TB	Xấu	Tốt	TB	Xấu
Kịch bản						
Giá trị thực tế TSĐB	150,161	150,161	150,161	312,023	312,023	312,023
Tỷ lệ thu hồi TSĐB	70%	50%	30%	70%	50%	30%
<b>Giá trị thu hồi TSĐB</b>	<b>105,113</b>	<b>75,801</b>	<b>45,048</b>	<b>218,416</b>	<b>156,012</b>	<b>93,607</b>

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

**Bảng 7. Nguồn xử lý nợ xấu (chưa sử dụng vốn tự có)**

Đơn vị: 1.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu	8,82%			15%		
	Tốt	TB	Xấu	Tốt	TB	Xấu
Kịch bản						
<b>Giá trị nợ xấu</b>	257,164	257,164	257,164	437,354	437,354	437,354
Sử dụng NSNN (Nợ xây dựng cơ bản)	90	90	90	90	90	90
<b>Giá trị nợ xấu còn lại</b>	167,164	167,164	167,164	347,354	347,354	347,354
Sử dụng dự phòng rủi ro	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5
Sử dụng TSĐB (Giá trị thu hồi TSĐB)	<b>105,113</b>	<b>75,801</b>	<b>45,048</b>	<b>218,416</b>	<b>156,012</b>	<b>93,607</b>
<b>Giá trị nợ xấu còn lại chưa có nguồn xử lý</b>	24.551	54.584	84.616	91.438	153.843	216.247

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

nước có thể xảy ra trong thời gian tới, nhóm nghiên cứu đưa ra 3 khả năng xử lý TSĐB:

**Kịch bản 1:** Nền kinh tế phục hồi nhanh chóng, việc xử lý TSĐB trở nên nhanh chóng và hiệu quả hơn. Sang năm 2013 khi lạm phát được kiểm chế, lãi suất sẽ có xu hướng giảm thì thị trường bất động sản sẽ khởi sắc trở lại. Vì vậy, mức độ thu hồi TSĐB bằng bất động sản và tài sản khác >70% giá trị TSĐB.

**Kịch bản 2:** Nền kinh tế phục hồi dần dần, mức độ thu hồi giá trị TSĐB đạt mức trung bình hòa vốn khoảng 50%<sup>3</sup>.

**Kịch bản 3:** Nền kinh tế chưa thoát khỏi tình trạng suy thoái, việc phát mại TSĐB vô cùng khó khăn. Trong tình trạng thị trường bất động sản nói riêng và thị trường hàng hóa nói chung tiếp tục suy giảm, tài sản thế chấp sẽ rất khó thanh lý. Việc thanh lý mạnh các tài sản thế chấp này sẽ tiếp tục khiến giá bất động sản và tài sản khác giảm sâu thêm nữa. Nhằm thu hồi giá trị tài sản thế chấp tối đa, khi giải chấp ngân hàng buộc phải hạ giá TSĐB cho phù hợp với giá thị trường. Khi đó, mức độ thu hồi giá trị TSĐB sẽ vào khoảng 30%<sup>4</sup>.

đồng/m<sup>2</sup>, tương ứng 50% - 60% giá thị trường. Vì vậy, có thể coi 50% là tỷ lệ thu hồi TSĐB trong điều kiện nền kinh tế hồi phục dần dần

<sup>4</sup> Theo Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản, tỷ lệ đấu giá tài sản thành công năm 2011 khoảng hơn 10%, còn trong 11 tháng năm 2012 tỷ lệ này sụt giảm còn 5%. Lý giải tỷ lệ đấu giá thành công thấp là do hầu như các ngân hàng giữ nguyên

Từ 3 kịch bản như trên, có thể nhận thấy, chỉ từ việc xử lý TSĐB, ngân hàng đã có thể xử lý được phần lớn số nợ xấu hiện nay.

*Nguồn xử lý nợ xấu tiếp theo là vốn tự có.* Sau khi xử lý TSĐB mà vẫn còn lại khoản nợ xấu chưa có nguồn xử lý thì hệ thống ngân hàng phải chấp nhận mất đi một phần vốn tự có của mình được tích lũy từ trước tới nay. Vì vậy, ngân hàng cần phải bổ sung thêm vốn để duy trì hoạt động hiện có và nhằm đảm bảo an toàn tài chính cho hệ thống. Tuy nhiên, thực tế điều này rất dễ khiến cho cấu trúc sở hữu chéo trong hệ thống ngân hàng, vốn đang là nút thắt cần

giá trị như thời điểm định giá khi thị trường bất động sản còn đang "hot". Do đó, giá định trong kịch bản kinh tế xấu và ngân hàng chấp nhận hạ giá tài sản đảm bảo cho phù hợp giá thị trường thì mức độ thu hồi TSĐB khoảng 30%.

<sup>3</sup> Theo Báo cáo phân tích thị trường bất động sản tháng 9/2012 (cafef.vn) giá chung cư cao cấp nhất tại Hà Nội dao động khoảng 30-35 triệu đồng/m<sup>2</sup>. Trong khi đó, suất vốn đầu tư xây dựng nhà chung cư cao cấp (có 2 tầng hầm) tối đa là 14,3 triệu đồng/m<sup>2</sup> (11,92\*1.2)(QĐ 725/QĐ-BXD tháng 8/2012). Giả định rằng chi phí "lobby" cho dự án khoảng 20-30%. Như vậy, giá hòa vốn khoảng 17,2 - 18,6 triệu

**Bảng 8. Nguồn xử lý nợ xấu (sử dụng thêm vốn tự có)**

Đơn vị: 1.000 tỷ đồng

Tỷ lệ nợ xấu	8,82%			15%		
	Tốt	TB	Xấu	Tốt	TB	Xấu
Kích bản						
Giá trị nợ xấu	257,164	257,164	257,164	437,354	437,354	437,354
Sử dụng NSNN (Nợ xây dựng cơ bản)	90	90	90	90	90	90
Giá trị nợ xấu còn lại	167,164	167,164	167,164	347,354	347,354	347,354
Sử dụng DPRR	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5	37,5
Sử dụng TSĐB	<b>105,113</b>	<b>75,801</b>	<b>45,048</b>	<b>218,416</b>	<b>156,012</b>	<b>93,607</b>
Sử dụng Vốn tự có	149,727	149,727	149,727	149,727	149,727	149,727
Giá trị nợ xấu còn lại chưa có nguồn xử lý	0	0	24,889	31,711	94,116	156,521

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu

tháo gỡ trong tiến trình tái cấu trúc ngân hàng, trở nên phức tạp hơn. Một trong những hệ lụy nguy hiểm nhất của sở hữu chéo là dòng “vốn ảo” được sinh ra trong một “ma trận” sở hữu chéo giữa các ngân hàng. Điều này có nghĩa là tỷ lệ vốn an toàn tối thiểu hiện tại của hệ thống ngân hàng không phản ánh đúng bản chất. Theo qui định hiện tại của NHNN, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của NHTM là 9% (Thông tư 13/2010/TT-NHNN), trong khi tỷ lệ CAR hiện tại của cả hệ thống là 14,11%. Vì vậy, khoản trích từ vốn tự có để xử lý nợ xấu mà vẫn đảm bảo an toàn hoạt động cho cả hệ thống là rất khó xác định. Nếu bỏ qua vấn đề “vốn ảo”, thì mức giảm vốn tự có tối đa chỉ có thể là giảm 149.727 nghìn tỷ đồng<sup>5</sup>. Kết quả cụ thể về số tiền nợ xấu chưa thể xử lý có thể thấy tại Bảng 8.

<sup>5</sup> Tính đến tháng 9/2012, theo công bố của NHNN vốn tự có của toàn hệ thống ngân hàng vào khoảng 413.433 tỷ đồng, tỷ lệ CAR cả hệ thống là 14,11%. Như vậy hệ số CAR giảm xuống mức 9% thì vốn tự có giảm  $(14,11 - 9)\% \times (413.433 \times 14,11\%) = 149.723$  tỷ đồng.

Với những kết quả phân tích ở trên, rõ ràng vấn đề xử lý nợ xấu là tương đối khả quan. Tất nhiên là vấn đề này khó mà xử lý ngay lập tức nhưng trong trung hạn thì ngân hàng có thể xử lý được phần lớn số nợ xấu hiện nay từ DPRR, giá trị thu hồi TSĐB và vốn tự có. Thậm chí trong trường hợp tỷ lệ nợ xấu là 8,82% như NHNN công bố thì chỉ trong kịch bản kinh tế xấu nhất, giá trị nợ xấu chưa có nguồn xử lý là 24.899 tỷ đồng, toàn bộ nợ xấu có thể được xử lý. Trường hợp tỷ lệ nợ xấu 15% thì số nợ xấu còn lại mà ngân hàng không thể tự giải quyết được cần tìm hỗ trợ từ nguồn khác là tối đa là 156.521 tỷ đồng.

Đồng thời, sự phân tích này cũng cho thấy việc xử lý TSĐB là rất quan trọng, giải quyết phần lớn giá trị nợ xấu của hệ thống. Tuy nhiên, trong thực tế, việc xử lý các loại TSĐB không chỉ đơn giản là khả năng bán được trên thị trường mà vấn đề thủ tục rất rắc rối và thường kéo dài. Chính vì vậy, xử lý vấn đề nợ xấu cần có sự phối hợp NHNN với các bộ ngành, như Bộ Xây dựng

để xử lý TSĐB bằng bất động sản; với Bộ Tư pháp và các bộ ngành liên quan để giảm bớt thủ tục hành chính, xây dựng cơ chế chính sách nhằm tăng sự chủ động cho các TCTD trong việc xử lý TSĐB. Ngoài ra, xử lý nợ xấu cũng cần có sự hỗ trợ từ phía Bộ Tài chính, chính quyền địa phương để xử lý tồn đọng xây dựng cơ bản. NHNN cũng cần kết hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Công Thương để giải quyết việc giảm hàng tồn kho, như thu mua thóc gạo lương thực, hàng hóa thủy sản...

*3.2.5. Đối với phát triển chứng khoán hóa nhằm giúp các NHTM đẩy nhanh tốc độ xử lý nợ tồn đọng và tạo điều kiện cho việc quản trị rủi ro tín dụng trong tương lai*

Từ kinh nghiệm về hoạt động chứng khoán hóa tại Mỹ, các NHTM Việt Nam nên triển khai việc chứng khoán hóa theo định hướng hạn chế tối đa các rủi ro. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, xét trên góc độ quản lý rủi ro.* Đối với các khoản cho vay có bảo đảm bằng bất động sản nhà ở cũ, cần phân tách thành 2 nhóm:

Các khoản cho vay đủ chuẩn và khoản cho vay dưới chuẩn. Đối với các khoản cho vay đủ chuẩn, NHTM có thể đơn giản tập hợp các khoản cho vay này lại theo các nhóm đối tượng (ví dụ cho vay bất động sản chung cư tại từng khu vực, cho vay bất động sản nhà phân lô, cho vay bất động sản biệt thự...), sau đó thực hiện quy trình chứng khoán hóa. Đối với các khoản cho vay dưới chuẩn, việc tập hợp để chứng khoán hóa là cần thiết nhưng phải thực hiện DPRR tín dụng phù hợp. Đối với các khoản cho vay mới, sẽ chỉ thực hiện chứng khoán hóa các khoản cho vay bất động sản nhà ở đủ chuẩn.

*Thứ hai, đối với việc phát triển các sản phẩm chứng khoán* trong giai đoạn hiện tại, theo kinh nghiệm các NHTM trên thế giới thì lộ trình: (1) Phát hành giấy tờ có giá được bảo đảm bằng bất động sản không qua trung gian MBB- Mortgage Backed Bond; (2) phát hành các chứng chỉ bảo đảm bằng bất động sản qua trung gian- MBS (Mortgage Backed Security); (3) phát triển chứng chỉ CMO-Collateralised mortgage obligation (chứng chỉ bảo đảm trên cơ sở các giấy tờ có giá được thế chấp bằng bất động sản).

*Thứ ba, đối với triển khai các điều kiện để thực hiện chứng khoán hóa.* Trước hết, các NHTM cần thực hiện nghiêm túc việc tái xếp hạng và phân loại các khoản cho vay bất động sản nhà ở. Các NHTM

cũng cần thuê chuyên gia nước ngoài trong việc tập hợp và phân nhóm các khoản cho vay để chuẩn bị cho việc chứng khoán hóa. Bên cạnh đó, chủ động trong việc phát triển các công ty tín thác để hỗ trợ việc phát hành chứng khoán hóa. Chỉ khi chuẩn bị đầy đủ các điều kiện trên thì các NHTM mới có thể vận hành hoạt động chứng khoán hóa. Tuy nhiên, để có thể phát triển hoạt động chứng khoán hóa, không thể chỉ dựa vào nỗ lực của các NHTM mà cần có sự đảm bảo về hành lang pháp lý và sự hỗ trợ của Chính phủ.

Việc thực hiện chứng khoán hóa là xu thế tất yếu đối với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để việc triển khai thành công và tránh những sai lầm của các quốc gia đi trước, các NHTM và cơ quan quản lý Nhà nước cần thực hiện các giải pháp toàn diện. Theo đó, các tổ chức liên quan cần xây dựng lộ trình triển khai cũng như luôn phát triển hoạt động chứng khoán hóa theo định hướng hạn chế tối đa rủi ro.

### 3.2.6. Đề xuất với Bộ Tài chính trong phối hợp xử lý nợ xấu

Để thúc đẩy kinh tế phát triển theo kịch bản tốt nhất trong năm 2013, cần nỗ lực của toàn hệ thống chính trị. Đặc biệt, việc phối hợp hiệu quả chính sách tài khóa và tiền tệ cần được coi như một trọng tâm trong năm 2013. Theo đó, bên cạnh các chính sách đã đề xuất với NHNN trong năm 2013,

nhóm nghiên cứu phân tích các cơ sở thực hiện chính sách tài khóa cũng như đề xuất các khuyến nghị cụ thể như sau:

Trong năm 2013, theo Nghị quyết về phân bổ ngân sách trung ương vừa được Quốc hội thông qua, tổng số thu cân đối ngân sách trung ương là 519.836 tỷ đồng, tổng số thu cân đối ngân sách địa phương là 296.164 tỷ đồng. Như vậy, tổng nguồn thu NSNN dự kiến là 816 nghìn tỷ đồng. Với mức dự kiến tổng chi ngân sách năm 2013 là 978 nghìn tỷ thì mức thâm hụt dự kiến là 162 nghìn tỷ đồng. Với con số ước tăng trưởng GDP năm 2012 là 5,2% và năm 2013 là 5,5%, thì mức thâm hụt NSNN năm 2013 có thể sẽ lên tới 5,56% GDP, cao hơn nhiều so với con số mục tiêu 4,8%.

Giả thuyết là, với mục đích hỗ trợ cho doanh nghiệp thoát ra khỏi khó khăn, kích thích sản xuất thì nhiều khả năng Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện chương trình miễn, giảm, giãn các mức thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân trong năm 2013. Với giả sử các mức miễn giảm giống như năm 2012, thì nguồn thu NSNN sẽ giảm dự kiến khoảng 9 nghìn tỷ đồng. Thêm vào đó, quyết định nâng mức thu nhập chịu thuế lên 9 triệu đồng và mức giảm trừ gia cảnh lên 3,6 triệu đồng thì nguồn thu NSNN trong năm 2013 dự kiến giảm khoảng 5,2 nghìn tỷ. Trong bối cảnh đó thì mức thâm hụt NSNN dự kiến

*xem tiếp trang 59*



11. Nguyễn, T.T.L.P.K.P.H. (2011), “Nâng cao sự hài lòng của khách hàng sử dụng dịch vụ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Dương”. Luận văn thạc sỹ Đại học Kinh tế TP HCM.

12. Đinh, P. H. (2009), “Mô hình định lượng đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng ứng dụng cho hệ thống NHTM”, Tạp chí Quản lý kinh tế, Số 26, 2009.

13. Lê, V. H (2007), Sử dụng chỉ số hài lòng của khách hàng trong hoạch định chiến lược kinh doanh ngân hàng, cách tiếp cận mô hình lý thuyết. Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, số 2, 51-56.

14. Bao, Nguyen Hoang (1999), Ước lượng hàm cầu lúa gạo ở Việt Nam, Điều tra mức sống dân cư Việt Nam lần 2 (1997/98), Tổng Cục Thống Kê Việt Nam.

15. Bao, Nguyen Hoang (1993), Tổng quan về lý thuyết hành vi tiêu dùng, bài giảng kinh tế vi mô ứng dụng, Đại Học Kinh Tế TP HCM.

16. Bao, Nguyen Hoang (2011), Phân tích mô hình Kano về hàng hóa dịch vụ, bài giảng Đại Học Kinh Tế TP HCM.

tiếp theo trang 52

giúp cho các NHTM hiểu rõ hơn về các nguyên nhân dẫn đến việc sử dụng hay không sử dụng dịch vụ XNK trọn gói. Trên cơ sở này, các NH sẽ chủ động đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm thu hút khách hàng sử dụng dịch vụ này, từ đó thu nhập của NH sẽ tăng lên và hỗ trợ nhiều cho hoạt động kinh doanh XNK của doanh nghiệp.

**Tài liệu tham khảo**

1. ThS. Dương Nguyễn Thanh Tâm (2012), Đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ bao thanh toán nội địa của doanh nghiệp trên địa bàn Thành Phố Hồ Chí Minh, Tạp chí Công nghệ Ngân hàng, số 74, tháng 05/2012

2. PGS. TS Nguyễn Khắc Minh, Bài giảng Kinh tế lượng nâng cao.

tiếp theo trang 9

sẽ dao động quanh mức 5,8-6% GDP.

Với tình hình NSNN khá khó khăn trong năm 2013, thì việc xử lý 90.000 tỷ đồng nợ xấu từ xây dựng cơ bản của địa phương là khó khả thi. Chính vì vậy, Bộ Tài chính cần có chính sách và giải pháp cụ thể cùng phối hợp với NHNN để xử lý triệt để và kiên quyết khoản nợ xấu, giúp hệ thống ngân hàng ngày một lành mạnh, an toàn và hiệu quả.

Suy giảm kinh tế luôn gây nhiều khó khăn cho các nhà quản lý điều hành cũng như các thực thể kinh doanh trong xã hội. Tuy nhiên, nếu xét theo khía cạnh tích cực, suy giảm kinh tế góp phần chỉ rõ những điểm yếu trong quản lý điều hành cũng như trong hoạt động của các thực thể kinh tế, mà ở đây chính là các NHTM cũng như các tập đoàn tài chính-ngân hàng. Đây thực sự là cơ hội để hoàn thiện cơ chế quản lý- điều hành cũng như tái cơ cấu toàn diện cho hệ thống các NHTM hướng tới phát triển an toàn- bền vững hơn. Thông qua các dữ liệu được cập nhật, bài viết hy vọng như một tài liệu tham khảo về việc

đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống các NHTM Việt Nam năm 2012 cũng như đưa ra một số gợi ý cho triển khai quản lý- điều hành hệ thống NHTM Việt Nam trong năm 2013, hướng tới phục vụ hiệu quả việc phát triển kinh tế đất nước.

**Tài liệu tham khảo**

1. ADB. 2012. Key Indicators for Asia and the Pacific.

2. Báo cáo tài chính năm, quý và báo cáo thường niên của các NHTM từ 2008 đến tháng 9/2012.

3. Học viện Ngân hàng (2011), Hoạt động Ngân hàng Việt Nam- Điểm lại năm 2011 và Dự báo năm 2012.

4. International Monetary Fund. 2012. World Economic Outlook. October 09, 2012.

5. MacDonald, R., 1997. What determines real exchange rates? The long and short of it. IMF working paper, 1997.

6. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), NHNN có thể xem xét việc gia hạn dùng huy động vàng, www.sbv.gov.vn

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2012), NHNN chỉ đạo các TCTD xử lý rủi ro, www.sbv.gov.vn

8. Thành Chung (2012), Chính phủ báo cáo Quốc hội về nợ công, Báo điện tử Chính phủ.

9. Tổng cục Thống kê (2012), số liệu tình hình kinh tế xã hội hàng tháng.

10. Tổng cục Thống kê (2012), Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính sự nghiệp năm 2012.

11. World Bank (2012), The global outlook in summary, 2010-2014.

12. www.sbv.gov.vn; gso.gov.vn; www.imf.org; vietcombank.com.vn